

BẢN LUẬN QUYỂN 28

Thứ năm trong giải thích về ba học, đầu tiên, chính là giải thích. Kế y cứ ba học để kiến lập ba căn. Sau, y cứ vào Định học, để thành lập ba môn giải thoát.

Trong phần trước có sáu môn:

1- Phân tích thể của ba học.

1- Giải thích chỉ ba lý do.

2- Nói về thứ lớp trước, sau.

3- Nói về lý do ba Học được gọi là tăng thượng.

5- Nói về thành tựu nhiều, ít.

6- Nói nương tựa ba học này nhập Thánh được quả không đồng. Nhưng dựa vào Tĩnh lực, có thể trước, nhập vào hiện quán của Thánh đế v.v.... Dưới đây, văn Quyết. Trạch cũng nói thế này: “rằng, tri kiến như thật về bốn đế, gọi là người tuệ học tăng thượng”.

Pháp sư Khuy Cơ giải thích: ở “đây chỉ y cứ tuệ vô lậu để gọi là tuệ học, chứ chẳng phải gọi là hữu lậu. Nếu theo thứ lớp trước giải thích trong định học, thì một lượt giải thích ban đầu, chỉ y cứ vào bốn Tĩnh lực vô lậu để nói về định học. Vì sao biết được? Kế là, văn dưới đây sẽ nói: “Nhưng dựa vào Tĩnh lực, có thể trước, nhập vào hiện quán của Thánh đế, chánh tánh ly sinh, chứ chẳng phải hoàn toàn xa lìa tất cả tĩn tự mà thành tựu được việc v.v... này.”, đây là giải thích trái lại. Một loạt giải thích trước chỉ dựa vào Tứ thiền, gọi là định học, trong lượt giải thích thứ hai, lại các vô sắc và giải thích tất cả đẳng trì, Đẳng chí khác cũng gọi là định học tức định vô sắc và cõi sắc đẳng chí, đẳng trì hữu lậu khác, đều gọi là định học, tức ở đây có cả lậu, vô lậu, vì sao tuệ học chỉ vô lậu, còn định học có cả hữu lậu. Nghĩa là định kia cũng chỉ có vô lậu. Trước kia đã nói: “Lại định vô sắc là lấy định vô lậu, và đã có Đẳng trì, Đẳng chí khác cũng gọi là Định học, đây là bốn Tĩnh lực có thể dẫn phát định vô lậu chung. Định học chỉ, có nghĩa Tuệ học vô lậu ngang bằng cũng không có ngăn ngại. Lại, Định chung cho cả hữu lậu, vô lậu; Tuệ cũng thế. Đây là y cứ ở sự vượt hơn của vô lậu mà nói, không đồng với tác pháp đủ của định không có trở ngại. Y theo văn dưới nếu có giới định, chưa hẳn là có tuệ, có tuệ thì chắc chắn có giới định, cho nên giải thích ở trước là hơn. Vì chấp tuệ vô lậu là Học, lại đâu ngại gì tuệ học chỉ có giới định vô lậu, có cả hữu lậu, rộng hẹp không bằng nhau chẳng ngại.

Trong giải thích về nghĩa tăng thượng, đầu tiên, chia ra hai môn.

Kế là, giải thích, sau, giải thích lại nghĩa chưa tường tận:

“Có tuệ tăng thượng dẫn tâm tăng thượng, nghĩa là đệ tử bậc Thánh, cho đến bỏ chi giác, có tâm tăng thượng, dẫn phát tuệ như trước”: Đây là nhân trước kia nói là vì thu hưởng tuệ tăng thượng mà tu tâm định, vì nghĩa này không tường tận, nên hay nói lại.

Trong giải thích về thành tựu, trước, nói về thành tựu nhiều, ít. Sau khuyên tu.

Có giới tăng thượng, không có hai giới còn lại. Nghĩa là người có giới Biệt giải thoát, chưa được định, đây là vì y cứ ở tu tuệ vô lậu.

Trong nhập Thánh, đắc quả không đồng:

1/ Chưa lìa dục, nghĩa là lúc ở giai đoạn phàm phu, nếu chưa chế phục “hoặc”, hoặc khuất phục năm phẩm “Tu hoặc” của cõi Dục trở lại, đều gọi là chưa lìa dục.

2/ Lìa dục gấp bội. Nghĩa là trước hết, chế phục sáu phẩm, cho đến tám phẩm.

3/ Đã lìa dục. Nghĩa là đã chế phục chín phẩm tu “hoặc” cõi Dục, cho đến hoặc chế phục Vô sở hữu xứ rồi, trở lại “tu hoặc”, gọi là đã lìa dục. Phải biệt rằng, trong đây, đối với tất cả Dục, hoàn toàn chưa lìa, nghĩa là người đã nhập hiện quán Đế, chứng quả Dự lưu, vả lại, vì y cứ ở người hoàn toàn chưa chế phục “Tu hoặc”, nên nói rằng: “Hoàn toàn chưa lìa dục”.

Về mặt đạo lý, người chế phục năm phẩm trở lại, cũng chứng Sơ quả.

Lìa dục gấp bội. Nghĩa là lìa sáu trong chín phẩm, gọi là lìa dục gấp bội.

Trong kiến lập ba căn: Nghĩa là kiến lập trước, sau trong ba vị của mười căn. Nói mười căn, đó là năm căn như tín v.v..., ý căn; ưu hỷ, lạc và xả căn. Mười căn này nếu ở trong bảy phương tiện và lúc ở mười lăm tâm của Kiến đạo, thì gọi là căn “vị tri”, “đương tri”. Nếu lúc ở phương tiện, chưa thể nhận biết đúng đắn về Đế lý, vì muốn nhận biết đúng nên gọi là “chưa biết sẽ biết”. Nếu khi ở mười lăm tâm, chưa thể biệt lại; sắp muốn biết lại, gọi là “chưa biết” “sẽ biết” (vị tri, đương tri). Đến tâm thứ mười sáu, đã bỏ, thì gọi là Dĩ tri căn. Đã thấy lý cùng tận, không có nghĩa chưa biết, sẽ lại biết, cho đến lìa dục chưa hết trở lại, vẫn có mười căn là “Dĩ tri căn”.

Chín căn như thế trong địa vị Vô học, là Cụ tri căn. Tuy nhiên theo Quyết Trạch nói là ba chuyển, mười hai hạnh pháp luân. Ba chuyển tức nói ba căn này, nghĩa là đức Phật nói khi Bồ-tát đầu tiên biết khổ v.v...,

tức nói “Vị tri căn”. Vì được dứt hết lậu còn lại nên lại sẽ biết khổ đã tập v.v..., gọi là “Dĩ tri căn”. Lúc được thành Phật, ta đã biết nỗi khổ rồi, đã dứt tập rồi; đã chứng diệt xong, tu đạo v.v..., gọi là Cu tri căn.

Y cứ trong Định để lập ba giải thoát, nghĩa là đối với cảnh Sở tri có hai: Hữu vi, vô vi. “Duyên” cảnh năm thủ Uẩn, lập vô nguyện; “Duyên” vô vi lập vô tướng; “Duyên” pháp chẳng thật có: “ngã”, hữu tình v.v..., nên lập ra trống không.

Do văn này tức nói là “duyên” “không, vô ngã hạnh”, lập môn “không”. “Duyên” bốn hạnh khổ, vô thường; Tập trở xuống, là để lập vô nguyện; bốn hạnh Diệt trở xuống, để lập vô tướng.

Chẳng có cầu nguyện, nghĩa là phân biệt với vô tướng; chẳng phải không có kỳ nguyện, là phân biệt với vô nguyện. Như chẳng phải có kia, biết là chẳng phải có, lập “không giải thoát”.

Do bốn hạnh như đạo trở xuống, là chẳng phải là ba môn giải thoát. (Phân tích rộng môn khác, gồm nhau như trước).

Thứ sáu, trong giải thích về pháp thuận theo Học, có hai thứ mười pháp: trong mười pháp đầu, trước, nêu chương bị trị; kế là nêu mười tướng, chủ thể trị (năng trị), theo thứ lớp đối trị.

Trong mười sở trị;

1/ Các hành sinh khởi ái chấp mắc, thuộc Tát-ca-da.

2/ Nghĩa là đối với các hành có thân,

3/ chấp thường, ái chấp mắc.

4/ Lười biếng giải đãi.

5/ Chấp mắc niềm tin, tự an, cho nên biếng nhác.

6/ Đối với các thứ hý luận v.v... của các thế gian.

7/ Nghĩa là vì thân mạng, mà làm nghề nông, mua bán, thờ vua, làm thuốc, chú thuật, lập vườn, dựng đài quan sát, ca hát, cười đùa, làm thơ, ngâm vịnh v.v...

8/ Tất cả đều là hý luận.

9/ Tư duy các pháp.

10/ Tác ý Du-già đã có tai họa lỗi lầm, có mười một thứ:

1- Nghi ngờ.

2- Do thô, nặng, không thể ưa đoạn, ưa tu.

3- Do hôn trầm, thù miên, nên chậm chạp, khinh lờn đối với phương tiện chỉ quán.

4- Thân mỗi mệt, tâm sâu não, che lấp mạnh mẽ tinh tấn.

5- Tinh tấn kém, mỏng, pháp thiện suy thoái.

6- Ham ưa danh, lợi.

7- Điều cử.

8- Cảm thấy sợ hãi đối với Niết-bàn.

9- Về phương tiện ngôn thuyết chẳng phải phạm sự của mình, miễn cưỡng làm cho tốt, vì muốn thuyết phục người khác, nên xảy ra đấu tranh, kiện tụng.

10- Đối với các cảnh giới, tâm rong ruổi, tâm phân tán.

11- Đối với chỗ không nên tư duy, mà miễn cưỡng trầm tư.

Những thứ trên đây đều do tâm u tối, vì tư duy các pháp không hiểu rõ, nên bị tai họa lỗi lầm. Dưới đây lấy tướng ánh sáng để đối trị. Ánh sáng có hai:

1/ Ánh sáng của pháp. Tức là Văn Tuệ, vì liễu đạt giáo pháp, nên được gọi tên như thế.

2/ Ánh sáng của nghĩa, tức là Tuệ tư duy về nghĩa, vì quyết định rõ ràng, nên gọi như thế về hai nghĩa sau rất dễ hiểu.

Luận sư Cảnh nói rằng: “Trong mười một pháp này, nếu đối với giáo pháp người tối tăm, mê lầm, tức dùng ánh sáng của pháp Văn tuệ để trị. Nếu đối với nghĩa đã được giảng nói, tâm tối tăm khởi chướng, tức lấy ánh sáng của nghĩa Tư tuệ để trị. Cũng có thể trong đây, chỉ lấy ánh sáng của nghĩa pháp Văn, tư để trị các pháp mang tai họa lỗi lầm của tư duy kia. Không lấy ánh sáng của Chỉ, quán để đối trị, vì Chỉ, Quán chính là thể của Học.

Nay, trong môn này chỉ nói về pháp thuận theo Học, không nói thể của Học, nên trừ Chỉ, Quán. Cho nên trong Văn dưới đây, sẽ dẫn bốn hào quang sang sau, tức trừ Thủ.

Nay trong nghĩa này, y lấy chủ thể dứt các pháp tư duy, pháp chướng ngại của Tác ý Du-già. Nghĩa là trước khi chưa được Văn, Tư, tư duy các pháp không thể bị chướng ngại. Nay vì được Văn, Tư, nên có thể dứt trừ”.

Pháp sư Khuy Cơ lại nói: “Nay trong nghĩa này, ý lấy chủ thể dứt, tức hiểu rõ chỉ có bốn thứ trong ánh sáng ở trước, với ý lấy hai ánh sáng hào quang nghĩa, pháp, có thể dứt pháp chướng ngại lúc tư duy Du-già.

Trong mười pháp sau, nói về nhân kiếp trước, nghĩa là ở trước đã tập các căn thành thực, do đời trước đã từng tu tập các căn như tín v.v... thành thực, chứa nhóm tăng trưởng.

Thuận theo giáo. Nghĩa là giáo pháp đã nói, không trái ngược mà theo thứ lớp, nghĩa là nghe nói là lúc mới tu hành, trước là tu gia hạnh, kế là, được nhập Thánh, kế là, khởi sự tu đạo, sau, là tiến lên bậc Vô

học. Nghe nói như thế, khởi sự tu dần dần, không điên đảo, tâm giáo có thể thuận theo.

Trong Chỉ tức thân tâm thô nặng, có bốn lần “Lại nữa”, hai lần “Lại nữa” trước, nói về sự thô nặng nhân phát khởi trong sự sắc tâm kia, lại y cứ trong sự dễ thoát khỏi chỉ tức.

“Lại nữa” lần thứ ba, tướng thô nặng do hôn trầm, thù miên đã phát, do Tuệ tác ý lấy tướng mâu nhiệm, tịnh tức là Chỉ.

“Lại nữa” thứ tư, tướng thô nặng thân phiền não có nhân nối tiếp này, tu đạo Chỉ tức.

Văn này nói rõ về tướng thô nặng, không chỉ là phiền não kia, mà ngay như tánh không điều hòa, nhu thuận khác, đối với điều ác kia, làm, không làm, không chuyển biến; đối với việc thiện nọ làm, làm mà không lui sụt, làm sự việc không làm kia, nên nói rằng: “không làm không lui sụt”

Lìa Tăng thượng mạn nghĩa là đối với chỗ mình chưa được, không nghĩ là được, không có tăng thượng mạn. Đối với chân đã được, khởi tướng được đồng đẳng, nghĩa là nói về giới hạn của thức.

Thứ bảy, là giải thích về hoại Du-già. Rốt ráo Du-già hoại. Nghĩa là không có nhân chủng Niết-bàn. Rốt ráo hoại mất Định, tuệ xuất thế.

Tam thời hoại. Nghĩa là có nhân chủng Niết-bàn, duyên ngoài chưa đủ, chưa được Niết-bàn.

Thối mất sở đắc hoại. Luận sư Cảnh nói “Như đầu tiên, người Dự lưu v.v... chế phục cõi Dục tu được Tĩnh lực trên. Gặp phải duyên lui sụt mất an lạc trụ v.v....”

Pháp sư Thái nói: “Lui mất thiền định hữu lậu, hoặc tri kiến mà phạm phu đã tiếp xúc, đã chứng.”

Pháp sư Khuy Cơ chỉ nói rằng: “Tức thiền định v.v... hữu lậu mà thôi.”

Tà hạnh đã làm hư hoại Du-già. Dù có chủng tánh Niết-bàn, nhưng không như lý tu, và cho tu ba học, nhưng không đồng với lý của ba tạng, đều gọi là làm hư hoại Du-già, tìm Văn, sẽ thấy rõ.

Pháp sư Thái nói “Hoặc có người tu hành, tánh nặng về phiền não, giác tuệ mạnh mẽ, nhạy bén, tánh dễ dàng sinh ra phiền não. Ở tánh thông thái tinh nhuệ, đều cùng sinh giác biết (câu sinh giác tri), tức mất Du-già, hồi chuyển đệ tử.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Vì tùy theo lời thầy dạy, nên gọi là hồi chuyển.”

Thứ tám, là giải thích về hai hành, tướng tính trong Du-già. Luận

sư Cảnh nói:

1/ Hành tướng tin thuận, nghĩa là khi nghe nói Đế thật v.v..., tâm sinh tin, thuận.

2/ Tướng thanh tịnh: nghĩa là tâm không tin, gọi là không thanh tịnh. Nay nói tin, thuận, gọi là hành tướng thanh tịnh. Nay theo Luận Đối Pháp, hành tướng nhẫn khả, hành tướng tin thuận, Hành-tướng thanh-tịnh, gọi là Hành tướng thanh-tịnh.

Hai y xứ:

1/ Y xứ quán-sát đạo lý các pháp.

Ví dụ: Như nghe nói về đạo lý bốn-đế, trong đó, quán-sát về nhân, quả nhiễm, tịnh là thật có, không giả dối, rồi y theo đó mà sinh lòng tin, nên gọi là y-xứ.

2/ Y Xứ Tin hiểu Bồ-đặc-già-la thần lực.

Nghĩa là thấy hiện thâm biến, cho nên sinh tín, cũng gọi là y xứ.

Trong dục bốn, vì thuận theo dục Du-già.

Nghĩa là đối với gia hạnh vô gián, ân cần, trân-trọng trong đạo gia hạnh tu tập, phát sinh hy vọng v.v....

Hai thứ gia-hạnh, là tùy-thuận các hạnh. Các hạnh, tức là Du-già. Nay vì hy vọng, mong cầu tùy-thuận hai thứ gia-hạnh Du-già, nên tâm sinh hy vọng, kính mến, hy vọng, kính mến là “dục”.

4 Phương tiện. Luận sư Cảnh nói rằng:

1/ Giữ gìn thi-la, khéo gìn giữ ý niệm của mình.

2/ Không buông lung.

3/ Nhất tâm nội, tu Xa-ma-tha.

4/ Pháp Tuệ tăng-hưởng, tỳ-bát-Xá-na.”

Pháp sư Thái và Cơ đồng nói:

1/ Thi-la.

2/ Niệm.

3/ Không có buông lung.

4/ Định, Tuệ.

Pháp sư Thái lại giải thích: hoặc có phương tiện không đồng với ở đây, đem hỏi Pháp sư. Pháp sư nói: “Về nghĩa phương tiện Du-già có rất nhiều, nếu tùy theo một phương tiện là nhất định, là trái với đạo lý. Nếu theo quyển hai mươi chín dưới đây với thuộc tám hành tướng đoạn nói rằng năm pháp phương tiện là thể.”

Thứ chín, trong giải thích về Tác-ý có ba:

1/ Nói về hai thứ bốn tác ý.

2/ Nói về tướng đã tư duy của tác ý.

3/ Nói về chín thắng_giải tác Ý “duyên” Cảnh, mà Khởi.

Tác-ý của sức cố gắng vận-chuyển. Nghĩa là người mới tu nghiệp, chưa được tâm định của cõi Sắc, chỉ với tán tâm nghe, tư duy của cõi Dục, bằng sức cố gắng an trí tâm ở bên trong, dứt, an trụ v.v.... Hoặc đối với các pháp, phân biệt không có ngược-ngạo. Cho đến khi chưa được Tác-ý của Địa-định đã tu, cố sức vận-chuyển trong nghe, tư duy.

Vận chuyển hữu gián. Nghĩa là từ gia-hạnh nghe, tư duy, đã được Tác Ý trong định Vị-chí đã tu. Từ đây về sau, đối với đạo thế, xuất thế, có thể dần dần tiến vượt hơn, có thể được Tác-ý để tu Tam-ma-địa. Về tướng liễu ở ngay từ ban đầu, cũng vì tư tuệ cõi Dục xen lẫn với tướng sắc ra, vào, không thể hoàn toàn thuần túy tâm định vận chuyển, nên gọi là “Hữu gián”.

Pháp sư Thái v.v... nói “Tác-ý, là nhớ. Nhưng đặt tên cho định, nói định gọi là tác-ý.

Vô gián vận chuyển: Nghĩa là từ Tác-ý về tướng “liễu” ban đầu, tiến vào năm tác-ý sau, thì khả năng nối tiếp nhau sẽ không bị gián đoạn bởi Tư-tuệ. Gia-hạnh kia rất ráo, đây là ba phẩm Đạo Vô Gián sau khi đã lìa dục.

Vận-chuyển Vô Công Dụng. Nghĩa là tác ý của quả rất ráo gia hạnh, tức là quả giải thoát thứ chín của lìa dục.

Đã lìa dục xong, đối với “hoặc” của cõi Dục, không còn có công dụng.

Lại có bốn thứ tác-ý

1/ Tác-ý tùy thuận. Trở lại là tác-ý “liễu” tướng và thuộc về một phần trong lạc. Đối với “duyên” sinh nhằm chán, tức là Đạo gia hạnh lìa dục.

2/ Tác-ý đối-trị. Nghĩa là Đạo vô gián, tức là gồm thâu một phần trong lạc và tác-ý viễn-ly, tác-ý gia-hạnh rất ráo.

3/ Tác-ý thuận với thanh tịnh: Tức là Tác-ý thắng-giải.

4/ Tác-ý thuận với quán sát: Nghĩa là Tác-ý quán-sát là Đạo tinh-tấn, quán sát ngược lại phiền não dứt chưa dứt, cũng có thể thắng-giải liễu tướng và gồm thâu một phần lạc, gọi là Tùy-thuận gia hạnh viễn-ly và gồm thâu một phần lạc gọi là đối trị, gồm thâu một phần lạc, gọi là thuận với thanh tịnh.

Tác-ý quán-sát, gọi là thuận với quán sát, nên, bốn tác-ý gồm thâu sáu tác-ý trước.

Từ đây trở xuống, là nói khi chánh tác-ý bốn tướng đã tư duy; đối với tướng nhân duyên. Luận sư Cảnh : giải thích: Tư-lương, chứa nhóm

Tam-ma-địa, nghĩa là tư duy v.v...nhân duyên tư lương của đấng trì mà sinh dục lạc. Đối với pháp đáng nhàm chán, cảm thấy nhàm chán sâu sắc về tai họa. Nhân tư duy hay che lấp nhân duyên của Đấng trì mà sinh nhàm chán tai họa, hay xem xét biết khắp loạn, nghĩa là khi chánh tư duy, có thể xem xét biết khắp “ngã”.

Nay, đối với định loạn, bất loạn, dưới đây, sẽ nói về nhân loạn, bất loạn.

Người khác không gây xúc não. Nghĩa là nói về nguyên nhân bất loạn, hoặc người đã tạo, cho đến công dụng tạo ra, biết nhân duyên loạn. Nếu Tỳ-bà-xá-na mà làm thượng thủ, thì bên trong, giản lược rất mạnh mẽ tâm mình, quán đầy đủ về tướng nhân duyên sau: lại tư duy người kia mới tu về quán, cùng với chỉ tâm ở sau là tướng nhân duyên.

Hoặc Xa-ma-tha, cho đến tướng của nhân duyên sau: cũng tư duy người kia mới tu chỉ với quán vượt hơn đã phát sau làm tướng nhân duyên.

Pháp sư Khuy Cơ nói “Hoặc người tạo tác; hoặc phi nhân tạo tác v.v... : Tức biết tướng loạn, đây là nghĩa của Pháp sư. Lại xét trên, dưới đều không đúng. Trong xa lìa dưới đây đều nói là do nhân duyên, cho nên biết được nhân duyên này tức sinh ra nhân duyên tham v.v... cho nên, vẫn dưới đây đều nói là do nhân duyên.

Hoặc do công dụng tạo ra: Đây là do nhân gia hạnh này sinh rồi loạn.

a/ “Nếu Tỳ-bà-xá-na” trở xuống là nói về nhân duyên không tán loạn rất mạnh mẽ, quán đầy đủ về tướng nhân duyên sau: tức là tu tập tư lương.

Về sau, nhân duyên thành tựu viên mãn, sánh trong định dưới sẽ biết.

Tướng trầm trong tướng xa lìa. Nghĩa là chỉ dựa vào chỉ, lúc tư duy về ảnh tượng đồng phần, làm cho tâm thấp kém.

Tướng trạo cử. Nghĩa là đối với tướng nhân duyên, nương tựa riêng vào quán, tư duy ảnh tượng, làm cho tâm tự đề cao, chấp mắc tướng, nghĩa là “duyên” tướng ảnh tượng của đối tượng duyên, hoặc khởi tham ái, không thể nhàm chán tai họa, sinh ra nhiễm chấp mắc sâu đậm.

Tướng rối loạn: là lúc duyên tướng ảnh tượng kia, gây xúc não trong nhân, phi nhân v.v..., tâm rong ruổi bên ngoài.

Các tướng như thế, như trong ba mươi hai tướng của Tam-ma-hý đa địa trước đã nói, tướng nên xa lìa mà Địa Đẳng Dẫn ở trước đã nói

rất tỉ mỉ, chín chắn, nên giản lược qua không giải thích.

Dưới là nói về tác ý “Duyên” cảnh, khởi chín thắng giải và ý giải thắng giải của đối tượng duyên nhỏ hẹp: y theo văn kết dưới đây nói: “Vì đối tượng duyên nhỏ hẹp”, đây tức là cõi Dục. Nếu cõi Sắc thì gọi là đối tượng duyên rộng lớn, vô lượng nghĩa là cõi Vô Sắc.

Thứ mười, trong giải thích về sở tác (tác ý) của Du-già: Cảnh Luật Sư giải thích “Sở y (đối tượng nương tựa) diệt và chuyển: do tu tác ý Du-già, khiến cho thân thô nặng trong tự nối tiếp nhau diệt, thân khinh an trở lên, nghĩa là hoặc có đối tượng duyên của biến tri; đối tượng duyên của ái lạc và đối tượng nương tựa diệt, chuyển mà làm Thượng thủ v.v..., nghĩa là do biết khắp đối tượng duyên sự lý và ái lạc, vì quán đối tượng duyên sự lý đó, nên có công năng làm cho thân diệt và chuyển, hoặc có đối tượng duyên của biết khắp, đối tượng duyên của ái, lạc, dùng đối tượng nương tựa thanh tịnh làm vị đứng đầu. Trước đã nói: Do hai đối tượng duyên (sở duyên), khiến thân diệt, chuyển. Đến lúc này, lại do khinh an, đối tượng nương tựa chuyển, nên làm cho sở duyên của biết khắp, sở duyên của ái lạc này khéo được thanh tịnh.”

Pháp sư Thái nói: “Câu trước là nói do hai Du-già sau làm địa vị đứng đầu khởi trước, cho nên giúp cho nghĩa hai chuyển y” được thành. Câu sau, phân tích do “chuyển y” thanh tịnh làm nương tựa hàng đầu, nên khiến cho hai Du-già sau được thanh tịnh.

Khi chuyển y của hai Du-già trước đã thành xong, chuyển y của hai Du-già sau bắt đầu.

Sáu hạnh đạo trong đây được gọi là đối tượng duyên của biến tri. Vì pháp ưa nhằm chán của Biến-tri, cho nên “duyên”.

Đạo xuất thế, gọi là đối tượng duyên của ái lạc, vì chỉ “duyên” pháp xuất thế mới sinh ái lạc.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Khi tác-ý Du-già kia đã thành xong, thì chuyển: là công việc làm đã thành xong, sở y kia thanh tịnh. Vì sở-y thanh tịnh, nên khiến ái lạc đây khắp thanh-tịnh, cho nên nói lúc thành xong, thì chuyển.

Thứ 11. Giải thích Sư Du-già, có hai lượt giải thích:

Trong lượt giải thích đầu, sơ nghiệp có hai:

1/ Người mới tu nghiệp đối với tác-ý, chưa được bảy thứ tác-ý sở tu, dựa vào văn, tứ của cõi Dục, An trụ một “duyên”.

2/ Người mới tu nghiệp tịnh phiền não. Đã được tu tác ý liễu tướng sở tu, đối với các phiền não, muốn tịnh tâm mình thì chính phải siêng năng tu tập tác ý “liễu” tướng.

Trong lượt giải thích thứ hai nói: “Lại nữa, bắt đầu từ khi tu tập pháp thiện như dục v.v..., tức là đầu tiên tu tập năm pháp quán dừng tâm chung, riêng, gọi là mới tu nghiệp. nếu khởi Noãn v.v..., được gọi là hạnh đã tu tập. Nếu đã chứng đắc, nhập chánh tánh ly sinh, được hiện quán đế, thì được gọi là độ tác ý. Người được hiện quán do đã chứng đắc bất hoại tín, nên không bị tà duyên của ác ma, ngoại đạo lôi kéo, cướp đoạt.

Mười hai thứ, giải thích về tu Du-già: trước, chia ra hai chương. Sau giải thích riêng.

Đầu tiên giải thích về tu tưởng có bốn trường hợp:

1/ Tu tưởng ưa Địa trên, chán Địa dưới của đạo thế gian.

2/ Tu tưởng ba cõi Niết-bàn, Chỗ kiến hoặc hết gọi là Đoạn giới (giới đoạn); chỗ tu hoặc hết, gọi là giới lìa dục; chỗ sự hữu lậu khác hết, gọi là giới diệt. “Duyên” ba cõi này, gọi là tưởng ba cõi.

3/ Tu tưởng phẩm trên, dưới của chỉ.

4/ Tu tưởng trước, sau của phẩm quán.

Hai lối tu sau vì khó hiểu rõ, nên sẽ giải thích riêng.

Tưởng trên dưới: là quán sát thân này, như đối tượng mà nó trụ, như điều mà nó mong muốn v.v... Như đối tượng mà thân kia nguyên cầu, tùy quán trên, dưới, an trụ tâm mình, nên nói rằng: “Như đối tượng mà thân kia trụ, quán địa trên, quán địa dưới.

Trong giải thích về tưởng, trước sau, đầu tiên là chia ra ba môn hệ thuộc về tưởng chung của ba môn; sau, giải thích riêng về hệ thuộc tưởng riêng của ba môn.

Ba môn là:

a) Đứng, quán ở chỗ ngồi.

b) Ngồi, quán ở chỗ nằm.

c) Ở sau, quán trước.

Quán đã rời khỏi, gọi là trụ. Đối tượng quán vị lai sắp khởi, gọi là ngồi. Đối tượng quán của quá khứ, đã diệt gọi là nằm. Chủ thể quán hiện tại sắp diệt, gọi là ngồi. Về sau, mới khởi quán vô gián diệt xong, khởi các hạnh. Kế là, giải thích về tu pháp phần Bồ-đề, trong đó có bảy:

1- Hỏi chung.

2- Đáp chung.

3- Gạn.

4- Chia ra đại khái bảy môn.

5- Nêu tế ba mươi bảy danh.

6- Nói rộng về nghĩa ba mươi bảy phẩm.

7- Tổng kết tu Bồ-đề Phần.

Nếu theo Câu-xá, thì thể thật của ba mươi bảy Phẩm, Chỉ có mười, nghĩa là Tuệ, cần, định, tín, niệm, hỷ, xả, khinh an và giới tâm. Nay theo Đại thừa, thể thật chỉ có chín, vì chánh tư duy là thuộc về Tuệ, chẳng phải tư làm thể. Như quyển năm mươi bảy ở dưới nói: “Ba mươi bảy bao gồm năm căn như tín v.v... ; năm căn như tín v.v... không gồm sáu, bốn, nghĩa là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng trong tám chánh, thêm vào đó hỷ, an, xả, tức gọi là sáu. Nếu kết hợp với giới thành một, cộng với hỷ, an, xả, thì có bốn thứ. Như vậy sáu, bốn thứ chẳng thuộc về tín v.v... “

Giải thích: “Nếu chánh tư duy dùng số tư làm Thể, thì lẽ ra nói năm căn không gồm sáu, năm vì trong năm căn không bao gồm tư. Vì nghĩa này nên biết thể chỉ có chín.

Theo trong phần nêu Tế, bốn chánh đoạn nghĩa là hai thứ trước, siêng tu chân chánh có đối tượng dứt; hai thứ sau, siêng tu chân chính có chủ thể dứt đều gọi là chánh đoạn.

Bốn thần túc, nghĩa là dùng số định trong Biệt. Cảnh làm thể. Định này có thể phát năm thần thông, nên nói Định này được gọi là thần túc. Thần túc này là bốn pháp mong cầu thành tựu, gọi là bốn thần. Bốn pháp tức là Dục, cần, Tâm, Quán. Dục, và Cần là hai thứ trong bảy thiện, tâm là ý thức; Quán là tuệ trong biệt cảnh, đều nói là đoạn hành thành tựu. Đoạn tức là tên khác của Diệt, cũng là vì bỏ đi năm điều lỗi lầm, tu tám diệt tư lương, như trong luận Thành Thật nói: “Dục Tam-ma-địa cho đến quán Tam-ma-địa, đều đem nhân gọi là quả, nên nói năm căn như Dục v.v..., năm lực, nghĩa là năm thứ như tín v.v... có nghĩa năng sinh, gọi là căn, có nghĩa tăng thượng không thể khuất phục, gọi là lực.

Trong bảy giác chi, Pháp sư Cảnh giải thích: “Đều nói là “đẳng”, nghĩa bình đẳng này, tận Vô Sinh đều bình đẳng, khai giác, gọi là Đẳng giác. Chi nghĩa là phần, nghĩa là nhân. Bảy thứ này có thể cùng với trí Tận Vô Sinh, Đẳng Giác là phần, gọi là chi Đẳng Giác”. Pháp sư nói: “Tức bảy pháp này bình đẳng, chia ra giác, đồng thời giúp nhau, gọi là Chi.”

Pháp sư Khuy Cơ giải thích: “Đều có chữ “Đẳng”, Pháp sư nói: “Đẳng-giác, tức nói là bảy chi Như lai, Vì có thể nhân thành Đẳng-giác, nên đều có chữ “Đẳng”. Nếu vậy, tám chi thánh đạo sau cũng thế. Trong năm vị trước, vẫn nạn nghĩa này vì trở ngại. Có nghĩa bảy giác ở

Kiến-đạo, tám chánh ở Tu-đạo. Kiến-đạo vô tướng; Tu đạo phân biệt, cho nên có tướng; vì vô tướng, nên bình đẳng mà giác, nên nói đẳng giác. Nghĩa này trên, dưới đều không ngại.”

Dựa theo luận Trung-Biên nói về năm vị kia, nghĩa là bốn niệm trụ, bốn chánh đạo, bốn thân-túc ở trong phần giải-thoát của ba phương tiện trước. Năm căn ở Noãn, Đảnh; năm lực ở pháp Nhẫn thứ nhất; bảy giác ở Kiến-đạo, vì mới giác ngộ. Tám chánh ở Tu đạo, vì lìa tu đoạn tám pháp tà, chỉ có Trí Luận nói: “ Vì công dụng của Tu-đạo, nên gọi là giác, vì công dụng của Kiến đạo nên gọi là đạo, nghĩa là vì tùy tướng nói, nên không có ngại.

Trong Du-già này, dẫn bảy báu của Luân-Vương, so sánh với Vua xuất thế có bảy báu. Nói rộng trong nghĩa ba mươi bảy có sáu đoạn: Đầu tiên, giải thích Niệm-trụ có bốn:

- 1/ Nói về thể của niệm trụ.
- 2/ Giải thích về niệm trụ, trong ngoài không đồng.
- 3/ Nói về ý kiến lập bốn niệm trụ.
- 4/ Giải thích chung về nghĩa niệm trụ.

Trong phần trước lại có hai:

- 1/ Giải thích về thân, tướng niệm trụ.
- 2/ Giải thích ba niệm trụ còn lại.

Trong phần trước, đầu tiên, là nêu bốn câu hỏi, sau, là đáp theo câu hỏi.

Thế nào là Thân? Nghĩa là nói về thân tướng của đối tượng duyên.

Thế nào là đối với thân trụ, tu thân quán? Là hỏi về Thể “năng quán”.

Thế nào là niệm trụ? Là hỏi về nghĩa không quên mất của thân, đối tượng duyên.

Thế nào là niệm trụ? Nghĩa là hỏi về đối tượng duyên. Nếu vì lo nghĩ, xem xét có thể như thế, không thể như thế v.v... an trụ ở niệm?

Trong đáp câu hỏi đầu, thân tướng có ba mươi lăm: là lược có mười bốn cặp:

- 1- Cặp trong, ngoài.
- 2- Cặp căn, chẳng phải căn.
- 3- Cặp tình, chẳng phải tình.
- 4- Cặp thô nặng, khinh an.
- 5- Cặp chủ thể, đối tượng tạo.
- 6- Cặp danh, sắc thân.

- 7- Cặp năm đường.
- 8- Cặp có thức không có thức.
- 9- Cặp trung biểu.
- 10- Cặp biến hóa, không biến hóa.
- 11- Cặp thành căn không thành căn.
- 12- Cặp người thân kẻ oán.
- 13- Cặp diệu trong kém.
- 14- Cặp trẻ, già.

Trong đây căn trần, sắc thân của mình, gọi là trong thân. Căn trần của người khác và phi tình bên ngoài, năm căn của mình, người khác, gọi là thân thuộc về căn. Năm trần của mình, người khác và năm trần bên ngoài, gọi là thân mà thuộc về phi căn. Căn trần nội của mình, người khác, được gọi là thân của số hữu tình. Núi, sông, cỏ, cây v.v..., được gọi là thân của số phi hữu tình. Chưa được tinh-lự, gọi là thân khinh an đều hiện hành. Đã được Tinh-lự, gọi là thân khinh an đều hiện hành. Bốn đại trong, ngoài là thân năng tạo (chủ thể tạo) căn trần khác của mình, gọi là thân được tạo (đối tượng tạo).

Danh thân, sắc thân: là nêu chung danh thân, vì đối nhau. Ý trong đây lấy sắc-thân, không lấy danh thân, là cảnh của ba Niệm trụ còn lại.

Luận sư Bị nói lại lời giải thích của Tam-Tạng: “duyên” là nghĩa trong thân, được chia ra hai thân là danh và sắc. Thân của Tổ, Phụ, Nước, tức là thân quý. Vì Tổ phụ đến, đều trông mong ở chỗ Nam, Nữ cúng tế thần, đều có nguyện vọng này, cho đến vì tổ trên, nên nói nước Tổ phụ. Giải thích rộng, như Luận Trí Độ.

Lại, thân có thức: là thân có mạng-căn, thân không có thức, là thân người chết. Thân giữa, thân ngoài, à trung gian trong, gọi là thân giữa. Tướng ngoài thân, gọi là thân biểu. Chết, trải qua thời gian lâu, gọi là thân đổi khác, mới chết và thân chưa chết, gọi là thân không đổi khác.

Thân Bán-trạch-Ca. Pháp sư Cảnh nói: “Phiến-ĐỂ-Ca, xưa dịch là Huỳnh-môn. Bán-trạch-ca, xưa dịch là Bát-tra. Lời nói không đúng, nghĩa là không có tướng căn. Chẳng phải thân của bạn thân: là thân kẻ thù, thân Trung-dung, nghĩa là thân của người xử trung.

Thân mâu nhiệm trong kém: là nhiệm mâu trong kém của phần khác tốt, xấu. Hoặc sức có phần mạnh, yếu, mâu nhiệm trong kém. Hoặc y cứ ở phần lớn, nhỏ, mâu nhiệm trong kém?

Trong đáp câu hỏi thứ hai, trụ theo thân quán, lược có ba thứ, tức

văn, tứ, tu. Do ba tuệ này vì quán sát, tìm cầu các thân trước, nên gọi như thế.

Đáp câu hỏi thứ ba, niệm, là nương tựa thân, thọ lãnh, giữ gìn Chánh pháp, tư duy nghĩa pháp. Tâm không có quên mất trong tu tác chứng. Đầu tiên khi tạo ra thân niệm trụ, thì phải dựa vào giáo pháp để tu, nên tư duy nghĩa pháp không quên, gọi là niệm.

Trong đáp câu hỏi thứ tư, có hai phen:

Phen thứ nhất, nếu xét tư duy đối với giáo pháp và nghĩa, xúc chứng trong giải thoát v.v... tư duy có thể như thế, không thể như thế v.v... an trụ trong đối tượng duyên, gọi là Niệm trụ.

Phen thứ hai, “lại vì giữ gìn chánh niệm” v.v... trở xuống, là giải thích lại Niệm trụ:

- 1- Chia ra ba môn.
- 2- Giải thích theo thứ lớp.
- 3- “Do đây v.v...” trở xuống, là kết gọi là Niệm trụ.

Từ trên đến đây, bốn trường hợp giải thích về thân niệm trụ đã xong. Kế là, giải thích ba niệm trụ còn lại. Nếu soạn văn, đầy đủ thì đều có bốn trường hợp:

- 1- Phân biệt thể của thọ, tâm, pháp sở quán.
- 2- Giải thích về tu quán thọ, tâm, pháp.
- 3- Giải thích Niệm.

4- Giải thích trụ Niệm. Nhưng trong văn trường hợp trước, kèm chung giải thích về thể của thọ, tâm, pháp, đối tượng quán. Ba trường hợp sau, chỉ giống với thân niệm trụ ở trước.

Trong giải thích ở trước, trước là nêu về số của thọ, tâm, pháp, sau nhắc lại để giải thích.

Trong phần trước, thọ có hai mươi một, hoặc chín thứ, Pháp sư cảnh nói: Về phần vì tế có hai mươi một thứ, gộp chung thành chín:

- 1- Nói về ba thứ lạc, khổ, xả, đây là chung.
- 2- Y cứ năm thức tương ứng với thân, thọ được chia làm ba.
- 3- Ý thức tương ứng với tâm thọ, chia làm ba, vì nói ưu là khổ.
- 4- Y cứ hữu ái vị, có ba.
- 5- Y cứ không có ái vị có ba.
- 6- Y cứ dựa vào sự thọ lãnh say mê có ba.
- 7- Y cứ dựa vào xuất ly là ba.

Như thế, ba nhân với bảy là hai mươi một thọ, hoặc chín thứ thọ. nghĩa là y cứ môn ba thọ trước trong bảy thọ ở trước mà nói, tức gồm thân ba thọ sau.

- 1- Môn ba thọ là chung làm ba.
- 2- Y cứ ở thân để phân tích ba thọ, lại có ba.
- 3- Y cứ ở tâm, để nói về thọ, lại có ba là riêng chung riêng là chín.

Về mặt đạo lý, y cứ trực tiếp ở môn đầu, ba thọ gồm thân tất cả thân thọ, tâm thọ; nhiễm thọ; không có nhiễm thọ, tất cả đều hết, như chỗ khác đã nói.

Pháp sư Thái nói: “Ba thọ là ba, bốn là thân thọ; năm là tâm thọ; sáu ái vị Thọ; bảy không là có ái vị thọ; tám là Đam thị thọ; chín là xuất ly thọ”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Hai mươi một thọ, tức như đã nêu, hoặc chín thứ thọ, Pháp sư nói: “Tức ba giai đoạn đầu, vì mỗi vị đều có ba, nên thành chín”. Chín thọ này gồm thân hết tất cả thọ, không có chia riêng ra môn khác.

Lại giải thích đồng với Pháp sư Thái: “Tâm có hai mươi thứ, nghĩa là đều thuộc về ý xứ. Pháp hai mươi là để nói về tâm, số so sánh là để nói về pháp, đều thuộc về pháp xứ.

Hoặc tham, tham Tỳ-nại-da v.v... Vì vô tham, có công năng điều phục tham, nên gọi là Tham Tỳ-nại-da. Sân, si cũng thế.

Hoặc giản lược pháp, hoặc phân tán pháp. Nghĩa là trừ giản lược Tâm vương và Thọ, giản lược pháp tương ứng với tâm khác và pháp Bất tương ứng, đều gọi là pháp lược, cho đến pháp giải thoát bất thiện cũng thế.

Như thế, phải biết rằng, kiến lập phẩm hắc; phẩm bạch; phẩm nhiễm tịnh; hai mươi thứ pháp, nghĩa là pháp bất thiện, gọi là hắc, pháp hiện hữu lậu, gọi là bạch; pháp trói buộc ba cõi, gọi là nhiễm, pháp lìa ba cõi, gọi là tịnh. Dựa vào bốn pháp này để lập thành hai mươi thứ. Dưới là nhắc lại để giải thích về tướng của thọ, tâm, pháp tức là ba đoạn. Lại, Lạc thọ nghĩa là thuận với Lạc thọ, xúc làm duyên sinh ra v.v..., nghĩa là y cứ xúc của Lạc, để giải thích về Lạc thọ, vì phải nhân xúc mới sinh ra thọ. Ở đây hoặc tương ứng với năm thức, gọi là Nhân thọ; hoặc tương ứng với ý thức, gọi là tâm thọ, tức nói về Lạc thọ trong ba thọ của thân, Lạc thọ trong ba thọ của tâm. Như xúc thuận với Lạc thọ; xúc thuận với không khổ, không lạc thọ, làm duyên sinh ra thọ bất bình đẳng, thuộc về thọ. Thọ bất bình đẳng tức Khổ Thọ. “Câu phỉ” tức là Xả thọ. dưới đây sẽ nói về khổ, xả trong ba thọ của thân tâm rất dễ hiểu.

Các Thọ như thế, nếu thuận với Niết-bàn v.v..., gọi là Thọ không

có ái vị: Pháp sư cảnh nói: Thọ vô lậu gọi là không có ái vị, thọ hữu lậu gọi là có ái vị.

Thọ tương ứng với tám thứ định tịnh, có thể vì nhàm chán địa dưới, ưa thích địa trên, chế phục, xa lìa “tu hoặc” của địa dưới gọi là “Xuất ly Y”. nếu trói buộc cõi Dục, không thuận với lìa dục, gọi là thọ dựa vào sự say mê, ham uống ăn.

Pháp sư Thái nói: “Thọ thiện của phần đạo. gọi là không có ái vị. Nhiệm ô vô ký và Thọ thiện của phần phước, chấp mắc ba cõi, gọi là có ái vị.

Thọ thiện của hai cõi trên và văn, tư của cõi Dục, đều thuận theo lìa dục, gọi là xuất ly Y. Thọ của cõi Dục khác, gọi là Đam thị Y (dựa vào sự say mê ăn uống).

Pháp sư Khuy Cơ nói “Nếu thuận theo Niết-bàn v.v... thì nói là các vô vị; thuận theo quyết trạch, nói là tâm pháp vô lậu. Nếu tùy thuộc theo cõi, nghĩa là ba cõi hữu lậu, gọi là ái vị. Nếu pháp hữu lậu hai tánh của cõi trên và người xuất gia nghe, tư duy cõi Dục thì đều dựa vào Thọ xuất ly. Nếu pháp của hai tánh cõi Dục và thể của năm cảnh tham dục, gọi là say mê ăn uống.

Trong giải thích về tướng của tâm, trước nói về sáu tâm; sau nói về mười bốn.

Trong phần đầu, vì dựa vào chủ thể trị, đối tượng trị, nên có sáu lời nói. sáu tâm như thế, phải biết đều là do lúc hiện hành mà khởi v.v.... Luận sư Cảnh nói chẳng phải khi thúc liễm niệm trụ duyên mà khởi cho nên gọi là lúc nương theo hạnh mà khởi. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Sáu tâm trước đều khởi lúc động tác, gọi là khi đi. Khi đi đã thế, lúc đứng, so sánh mà biết. Như trước đã nói: “Khi chưa trụ trong định mà khởi, gọi là lúc đi, lúc ở định khởi, gọi là khi trụ”

Kế là nói về mười bốn tâm. Luận sư Cảnh nói: “Nhân khi thu nhiếp tâm dứt ở duyên, rồi khởi, trong đó, đầu tiên có tám tâm, bốn tâm là chủ thể trị dựa vào định Vị Chí, dứt trừ được năm cái. Nghĩa là gián lược tâm, nêu tâm là đạo gia hạnh, tâm không trạo cử đổi là đạo Vô gián. Tâm vắng lặng là đạo giải thoát, còn có bốn tâm khác là chướng; gọi là tâm tán; tâm thấp; tâm trạo cử tâm không vắng lặng.

Tâm thấp, là hôn trầm đều hiện hành. Tâm cử, là tâm chìm, không “duyên” cảnh tịnh, mầu nhiệm, khiến cho tâm cử.

Tâm trạo cử là tâm lông bông, bị triển ràng buộc.

Tâm định trở xuống có sáu tâm, là dựa vào bốn tĩnh lự, bốn Vô Sắc khởi. Ba tâm là chủ thể trị, trị phiền não của cõi Sắc, Vô Sắc; ba

tâm là chướng.

Đầu tiên nói tâm định, nghĩa là được giải thoát các cái: nêu lên định Vị Chí. Lại, người có thể chứng nhập Tĩnh lực căn bản, được nhập bốn Tĩnh lực, tâm lìa phiền não cõi Sắc; tâm của đạo Vô gián gia hạnh.

Tâm bất định: là tâm lỗi chướng của người chưa thể nhập.

Tâm khéo tu: tức là tâm của đạo giải thoát, đã lìa hoặc cõi Sắc. Tâm không giỏi tu, tức là chướng.

Tâm khéo giải thoát, nghĩa là từ tất cả rốt ráo giải thoát, là lìa “hoặc” của bốn không, gia hạnh đạo giải thoát Vô gián.

Tâm không khéo giải thoát: là chướng.

Mười bốn tâm như thế, nhân khi trụ mà khởi. (Nghĩa là nhân khi nhập định, trụ duyên, mà khởi. Văn này nói chung, là dựa vào lúc trụ ở Địa Tĩnh Cái mà khởi, có tám thứ tâm v.v..., nghĩa là bốn trong tám là tâm “năng trị”, thuộc về định Vị Chí, lìa được năm Cái, gọi là địc Tĩnh Cái.

Dựa vào lúc trụ ở Địa Tĩnh phiền não, có khởi sáu thứ tâm v.v.... Nghĩa là ba tâm là chủ thể trị, hay trị được “hoặc” của cõi Sắc, Vô Sắc, đã phân biệt như trước.

Pháp sư Thái nói: “Tám tâm trước trong mười bốn tâm là đạo phương tiện của định, dựa vào Địa thanh tịnh, hàng phục hiện Cái, mà khởi. Sáu tâm sau, là dựa vào dứt phiền não, khởi lúc ở trong Định”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Dựa vào Địa Tĩnh Cái v.v... : Nghĩa là trong giải thích về mười bốn tâm lúc ở trong Định, chưa được Định vô gián đạo trong đạo Gia hạnh, gọi là Địa Tĩnh Cái, khởi tám thứ tâm. Dựa vào đạo Định Vô gián, dứt phiền não, khởi sáu tâm kia.”

Hỏi: “Vì sao tám tâm trước gọi là Tĩnh Cái là Gia hạnh Định, chứ chẳng phải Vô gián? Sáu tâm sau là Tĩnh, hoặc một Định, một đạo Vô gián?”

Nghĩa là như tham, sân si là Cái bị trị; vô tham điều phục v.v... là chủ thể trị, thì sáu hợp lấy ba bị trị (ba đối tượng trị), tức ba cái. Đây là lúc đi (thời gian hiện hành), thấp là tám thứ lúc trụ, hoặc giảm lược hoặc tán loạn lược là tướng chỉ, tán là tán loạn”.

Hoặc thấp hoặc cao cử, thấp là hôn trầm, cao cử là tướng trạo cử. Nếu trạo cử lìa trạo cử, tức là trạo cử. Nếu vắng lặng không vắng lặng, ác tác gọi là không vắng lặng thiện tác gọi là vắng lặng. Lại nghi thì không vắng lặng, quyết định, gọi là vắng lặng. Lại, hợp với đạo năng trừ ở trước, gọi là vắng lặng; hợp với đối trị ở trước, gọi là không vắng lặng. Đây đều có đối trị riêng, gọi là Địa tĩnh chư Cái, Cái là năm Cái.

Mười tám thứ sau là nói tướng chung, chứ chẳng phải có riêng đối tượng trị. Lúc được sáu tâm sau, thì phải được tịnh cái trước, mới có thể nhập định căn bản.

“Nếu vậy, đối tượng trị, chủ yếu tức là đồng thời, vì sao Cái là Định của đạo Gia hạnh, hay là đạo Vô gián?”

“Như chủ thể trị vắng lặng ở trước, nếu nói các Cái của đạo Gia hạnh chỉ điều phục chứ chẳng phải dứt hẳn. Lại, chủ thể trị ở trước lúc điều phục là đạo gia hạnh, đối tượng trị diệt đạo vô gián đồng thời là đối tượng dứt của đạo Vô gián, vì phải đối tượng trị diệt rồi thì chủ thể trị mới sinh, nên luận chép: “Từ Cái được giải thoát xong, mới chứng nhập Định căn bản. Tâm bất định trong đạo vô gián, tức đối tượng trị, vì tám tâm trước có đối trị riêng, nên đạo Gia hạnh do tâm phân biệt quán. Đạo Vô gián sau, là quán tướng chung, hoặc nói là đạo Vô gián. Lại nữa, chưa hẳn nói về phương tiện, vì đối tượng trị của tám tâm trước của đạo Vô gián đều là Cái có đối tượng trị riêng. Sáu thứ sau chẳng phải trừ cái riêng mà là dứt chung các phiền não.

Phân biệt như thế, đây là thứ lớp của phương tiện, vô gián. Tám tâm chỉ điều phục “hoặc” chẳng phải Vô gián, tại bên trong có cái, dưới đây trong giải thích về tướng pháp, đầu tiên, là biết rõ kiết cái, đối tượng trị, “có”, hay “không”. Kế là, hiểu rõ chủ thể trị, bảy pháp chi, vì đều là cảnh của pháp niệm; chỉ có hỷ giác chi là cảnh của thọ niệm trụ, chứ chẳng phải là cảnh của pháp niệm trụ, vì theo nhau.

Nếu như thật biết khắp như thế về các pháp tạp nhiễm v.v.... là rất dễ hiểu kiết cái “có” hay “không”.

Đối. Trị tai họa lỗi lầm, của tự tánh, nhân duyên, nghĩa là kiết bảy giác chi, chủ thể trị trước kia.

Đây là thể của pháp niệm trụ. Nghĩa là biết trị chướng ở trước là chủ thể của pháp niệm trụ.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Ở đây, xét văn trên không có giải thích riêng bốn thứ này, ở đây chỉ có tự tánh và đối trị tai họa lỗi lầm, không có nhân duyên riêng nào khác.

Nếu theo Cái đối tượng trị đã nói trên, thì gọi là tự tánh kế là, ở trước đã nói là biết rõ nhân xứ có tai họa lỗi lầm của kiết, gọi là tai họa lỗi lầm, cho nên đạo chủ thể trị. Gọi là đối trị. Lại không có giải thích riêng về nhân, duyên, xứ, hoặc nghĩa không có chướng ngại. Nghĩa là ba thất thiện căn trong thời gian sáu hành, gọi là nhân duyên của các “hoặc”, nhân duyên sinh ra các “hoặc”. Lại tức hạt giống của tự tánh, gọi là nhân duyên. Lại nữa, do chỗ nào duyên chỗ nào mà sinh tự tánh,

tức gọi là nhân duyên. Lại, dựa vào nhãn, cho đến Tác-ý mà sinh, hoặc các xứ như nhãn v.v... tức gọi là nhân duyên. Như nói so sánh thân niệm-trụ dưới đây để giải thích về quán-trụ, thọ, tâm, pháp. Niệm và trụ cũng thế, rất dễ hiểu.

Từ trên đến đây, là thứ nhất, nói về thể đã xong. Từ đây trở xuống, là thứ hai, giải thích về niệm, trụ trong, ngoài không đồng. Trước là nêu ba câu hỏi. Sau là đáp. Trong phần đáp, đầu tiên, dùng sáu lần “lại nữa” để giải thích về ba quán. Sau, là kết, nói rõ một ít.

“Thế nào là đối với trong v.v... thân trụ quán theo thân v.v... ? Nghĩa là nêu trong thân v.v..., lấy thọ, tâm, pháp bên trong, hai pháp còn lại y theo đây”.

Đáp: Trong sáu lần “Lại nữa”, lần “lại nữa” đầu nói rằng: “Nếu “duyên” hữu tình khác bên ngoài, gọi là trong ngoài, thì vì số hữu tình này, nên gọi là nội, chẳng phải sắc thân của mình, gọi là bên ngoài”.

Pháp sư Khuy Cơ giải thích: “ Bốn duyên trong thân này là duyên chung, không có lựa chọn là chủ-thể tạo, đối-tượng tạo. (năng tạo, sở tạo). Nếu phần thứ tư dưới đây, thì chỉ nói chủ-thể tạo, chẳng phải đối tượng tạo, cho nên khác nhau.” Phen thứ hai, nói rằng: “Nếu “duyên” nắm căn của mình, người mà có chấp thọ sắc, thì gọi là “duyên” trong thân. Nếu “duyên” phi căn bên ngoài mà không có chấp-thọ sắc thì gọi là “duyên” ngoài thân. Nếu “duyên” phù căn nắm trần của mình, người mà có chấp thọ sắc, thì gọi là “duyên” trong ngoài thân.

Phen thứ ba nếu “duyên” sắc “ khinh an câu hành ” của Địa Định bên trong của mình, thì gọi là trụ quán thân trong-thân hành quả ở cõi Dục do được định, nên lìa tướng thô, nặng. Thân này tức là “Khinh an câu hành” Do “Duyên” sắc này, nên gọi là trụ trong thân, cũng có thể y cứ thân sinh cõi Sắc, gọi là đi chung với “Khinh an câu hành”. Nếu song “duyên” cả sắc v.v... khinh an, thô nặng câu hành của người khác: Duyên sắc khinh an câu hành của người thì gọi là trụ trong, còn “duyên” sắc “ thô nặng câu hành ” của người khác, gọi là bên ngoài.

Trong phen thứ tư, nếu “duyên” sắc tạo nắm căn trần của bốn đại tạo trong, ngoài, thì gọi là trụ trong ngoài.

Trong phen thứ năm, Luận sư Cảnh giải thích: “Nếu “duyên” có thức thân chưa chết, thì gọi là trụ thân nội. Nếu “duyên” sắc rồi chết, không có duyên thức thân, phần-vị xanh, bầm v.v... của số hữu tình, thì gọi là trụ thân ngoại. Nếu “duyên” thân chết hiện-tại, không có sắc của thức thân, đối với quá khứ của niệm trước, khi chưa chết, có thức tánh, có sắc của thức thân, gọi là trụ bên trong.

Lại, “duyên” chủng loại nối tiếp nhau của thân chết ở hiện tại, vào thời gian vị lai, không có pháp tánh giống với thức-tánh, pháp-tánh bình đẳng, gọi là bên ngoài. Kết hợp quán cả hai đầu, gọi là trụ thân trong ngoài, bình đẳng với pháp bên ngoài, gọi là pháp-tánh bình đẳng.”

Pháp sư Thái nói: “Nếu “duyên” thân chết hiện-tại không có sắc của thức thân, thì gọi là bên ngoài. Thân chết hiện tại này đã có thức-tánh lúc chưa chết trong quá khứ. Nay dù không có thức, mà là giống với sắc có thức ở trước bình đẳng không khác, tức gọi là nội. Nếu “duyên” sắc có thức thân chưa chết trong hiện tại, thì gọi là nội. Sắc này trong tương lai, sẽ phải chết, không có thức, thì gọi là bên ngoài. So với sắc trước có thể hiểu.”

Pháp sư Khuy Cơ lại nói: “Ý trong đây nói, là nhìn thấy thân chết lúc đã từng có thức trong quá khứ. Thân chết hiện tại này, gọi là bên ngoài. Vào lúc sẽ có thức, gọi là nội “duyên” thức thân hiện có, không có thức thân ở vị lai, trong ngoài cũng thế. Do hiện tại có thức, vị lai không có thức, giống với pháp tánh, một tướng của pháp-tánh bình đẳng không khác, cho đến quá khứ cũng thế.

Trong phen thứ sáu, Ngài Tam-Tạng nói: “Văn này nói giống như tướng ngoài của thân chết, gọi là “Thân nội biểu”; “duyên” tướng ngoài của thân chết của người, gọi là “thân ngoại biểu”.

Luận sư Cảnh nói: “Thân nội gọi là thân trong, lại “duyên” trong thân của người khác, gọi là thân trong, đối với người khác, gọi là bên ngoài.”

Pháp sư Thái nói “Nếu “duyên” tướng ngoại biểu sắc thuộc thân nội của mình, thì sẽ có tướng xanh, bầm v.v... thay đổi, không thay đổi và “duyên” tướng thay đổi, không thay đổi của biểu sắc của thân người khác, nên gọi là nội, ngoại.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nếu “duyên” thân giữa của mình, tức thân nội của mình, thì gọi là trong thân, tức trong thân trong của mình.”

Sáu phen giải thích trong ngoài này, tức tướng đương với bảy cặp trong mười bốn cặp ở trước, nghĩa là đầu tiên là cặp trong ngoài.

2/ Cặp căn, phi căn.

3/ Cặp khinh an, thô năng.

4/ Cặp “năng” tạo “sở” tạo.

5/ Cặp “có” thức, “không” thức.

6/ Cặp biểu trung và

7/ Cặp thay đổi, không thay đổi.

Dưới đây là kết, nói rõ một ít. Nghĩa là mười bốn cặp v.v... trước tùy theo đối tượng thích ứng đi đều cũng tạo ra nghĩa của ba quán, nên có nhiều thứ. Nay ở trong đây lại làm rõ sự khác nhau của bảy cặp, nên nói rằng một ít.

Thứ ba là nói ý kiến lập bốn niệm, trụ vì đối-trị bốn trái ngược nên lập bốn niệm-trụ.

Vấn có bốn lượt:

Hai lượt đầu, phá chấp, hai lượt sau, là trực tiếp nói về pháp.

Bốn con đường khiếp sợ: Luận sư Cảnh nói: “Con đường khiếp sợ ở của bốn phương.”

Luận sư Bị nói: Tham có bốn thứ:

1/ Tham hiển sắc.

2/ Tham hình sắc.

3/ Tham thừa sự.

4/ Tham sự xúc chạm êm ái.

Đối với bốn thứ tham này, mà thực hành bất tịnh quán, nên quán bất tịnh cũng có bốn đường, tức rừng Thi-đà vắng vẻ không có bóng người, gọi là nẻo đường khiếp sợ. Như thật biết rõ về tự tướng, cộng tướng của các uẩn bị chấp, dứt trừ sự trái ngược của “ngã”. Nhận biết rõ các uẩn chỉ có pháp-tánh, mỗi uẩn đều, khác nhau, đều không có tên “ngã” hiểu rõ về tự tướng; nhận biết rõ các uẩn đồng là vô “ngã” hiểu rõ về cộng tướng, cho nên trừ “ngã” trái ngược.

Nếu nói một cách tinh tế hơn thì bốn thứ như thân v.v... mỗi thứ đều có bốn. Luận Trí Độ nói: “Dù bốn thân đều có bốn thứ: thân nên thường quán bất tịnh; thọ thường quán khổ; Tâm thường quán Vô-thường; pháp thường quán Vô Ngã.”

Trong phen thứ hai, do nường vào thân, nên thọ dụng khổ, vui, v.v.... nghĩa là do “ngã” nường vào thân, nên thọ dụng khổ, vui. Lại, chấp ngã bị khổ vui. Lại, do “ngã” mà tâm hay khởi nhiễm, tịnh đối với pháp, phi pháp.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Người thọ khổ, vui. Theo trong giải thích lại nói rằng: “Người ngu chấp ngã ở tâm, ý, thức. Vì ngu sự ngã, nên lập Tâm Niệm Trụ, tức chấp này, cho là “ngã”, trái với tướng thứ nhất trước.

Trong phen thứ ba, nghĩa là nếu nường theo thân này tạo nghiệp; vì thọ này, nên tạo nghiệp; Nếu người tạo nghiệp, hoặc do pháp thiện, bất thiện mà tạo nghiệp. hệ thuộc văn dưới đây, sẽ rất dễ hiểu.

Trong phen thứ tư, cho rằng nếu nường theo thân này, sẽ có nhiễm,

tịnh. Nếu vì thọ này, nên khởi nhiễm tịnh; hoặc tâm làm chủ nhiễm, tịnh; hoặc do các pháp, nên thành nhiễm, tịnh, hệ thuộc rất dễ hiểu.

Thứ tư, là giải thích chung về nghĩa Niệm Trụ:

Nếu Trụ ở đây mà niệm, là đối tượng duyên Niệm Trụ, nghĩa là đối với đối tượng duyên Thân, thọ, tâm, pháp này, vì an niệm mà trụ, nên gọi là Niệm Trụ. Do người Trụ niệm cho đến “Là niệm trụ của tự tánh, nghĩa là Tuệ và Niệm này, vì gồm thân, giữ gìn Định, nên nói rằng do trụ niệm trụ tuệ này nên hai thứ đều là tự tánh (bản chất). Thể của Niệm trụ đồng với Luận Đối Pháp nói: Không đồng với luận Tiểu thừa chỉ nói một số Tuệ là tự tánh Niệm, Trụ. Lại, do Thân, Thọ, Tâm, Pháp tăng thượng mà được sinh v.v....

Từ trên đến đây dù nói về thể của Tuệ và Niệm là tự tánh Niệm trụ, nhưng vẫn chưa biết tuệ là tuệ gì, cho nên, trong đây phát ra chỉ “duyên” thân v.v... mà khởi ba tuệ, hoặc hữu lậu, vô lậu đều là niệm, trụ.

